

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LONG NGỌC IMEX**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LONG NGỌC IMEX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG NGOC TRADING IMEX COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LONG NGOC TRADING IMEX CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110885997

**3. Ngày thành lập:** 11/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

104 Đường Yên Phụ, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0938846688

Fax:

Email: ceolongngoc@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: - Phân phối rượu; - Bán buôn rượu; - Bán buôn bia; - Bán buôn đồ uống không có cồn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4633     |
| 6.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4634     |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. (không bao gồm bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế) | 4649     |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy hại dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.<br>(không bao gồm bán buôn máy móc, thiết bị y tế) | 4659        |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại; - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn kim loại khác; - Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác (không bao gồm bán buôn vàng miếng, vàng nguyên liệu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4662        |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Buôn bán phân bón; - Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.                                                                                                                                                                                 | 4669        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690        |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4711(Chính) |
| 18. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4719        |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4721        |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4722        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ uống có cồn: bán lẻ rượu; bán rượu tiêu dùng tại chỗ; bán lẻ bia;<br>- Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...;<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác. | 4723 |
| 22. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4724 |
| 23. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)                                                                                                                                                                         | 4741 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)                                                                                                                                                                                                                      | 4742 |
| 25. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4751 |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752 |
| 27. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753 |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                      | 4759 |
| 29. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4761 |
| 30. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4762 |
| 31. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4763 |
| 32. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4764 |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4771 |
| 34. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4772 |
| 35. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí, vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                               | 4773 |

|     |                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm hoạt động của đấu giá viên)                                                                                 | 4774 |
| 37. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                             | 4781 |
| 38. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                     | 4782 |
| 39. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                          | 4784 |
| 40. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(không bao gồm bán lẻ súng, đạn loại dùng đi sẵn hoặc thể thao, tem và tiền kim khí, vàng miếng, vàng nguyên liệu, hoạt động của đấu giá viên) | 4789 |
| 41. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                           | 4791 |
| 42. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                      | 4799 |
| 43. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không bao gồm tổ chức hợp báo)                                                                                                                 | 8230 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                          | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN BÍCH NGỌC

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184051591

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 59 phố Hàng Gai, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 59 phố Hàng Gai, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN BÍCH NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184051591

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 59 phố Hàng Gai, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 59 phố Hàng Gai, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội